

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2020

V/v Ly hôn giữa

Chị N và anh B

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thanh Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Hồng Hải**

2. Bà **Nguyễn Thị Tuyết Sương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Lệ Trinh** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Yến N**, sinh năm: 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Số 56/22, P, Phường 6, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Anh **Thôi Quốc B**, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến N trình bày: Chị và anh Thôi Quốc B cưới nhau vào năm 2009, hôn nhân do tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/2009 tại UBND phường 6, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị và anh B chung sống cũng hạnh phúc nhưng khoảng 01 năm nay thì anh B không quan tâm, lo lắng đến chị và con nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Mặc khác, chị nghi ngờ anh B qua lại với người phụ nữ khác, sống không chung thủy. Anh B có thiện chí hàn gắn hạnh phúc nhưng chị không đồng ý, vì chị đã cho anh B cơ hội nhiều lần để sửa đổi nhưng anh B vẫn không thay đổi. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng,

không thể tiếp tục chung sống với nhau, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về nuôi con chung: Chị và anh B có 01 con chung tên Thôi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/11/2014, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian nuôi con, chị có đánh con, do con làm sai nhưng cũng chỉ là cách dạy con bình thường, không gây ảnh hưởng gì đến sức khỏe, tâm lý của con. Chị đã nhập hộ khẩu cho cháu N tại Thành phố Hồ Chí Minh để nhập học nên việc sống cùng chị sẽ đảm bảo tốt về mọi mặt cho cháu. Chị không đồng ý cho anh B nuôi con vì anh B đi làm và giao con cho chị anh B nuôi tại Thành phố Hồ Chí Minh còn anh B sống ở huyện C nên không đảm bảo cho việc nuôi cháu.

Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Thôi Quốc B trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thị Yến N về thời gian tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn, thời gian ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh thừa nhận trong quá trình chung sống vì bận công việc nên anh ít quan tâm, chăm sóc đến chị N và con làm cho vợ chồng ngày càng xa cách. Việc chị N nêu anh có quan hệ với người khác, sống không chung thủy là không đúng, vì anh gặp gỡ bạn bè chỉ để bàn việc làm ăn chứ không có quan hệ tình cảm. Anh và chị N sống ly thân khoảng 01 năm nay, anh cũng có thuyết phục chị N để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh đồng ý vì anh xét thấy không có khả năng hàn gắn.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung tên Thôi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/11/2014. Hiện chị N đang nuôi cháu N, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu N và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Anh không đồng ý cho chị N nuôi cháu N vì chị N hay đánh đập con. Ngoài ra, anh có thu nhập và nơi ở ổn định. Khi anh được nuôi con thì anh sẽ đi làm và giao con cho chị ruột anh tại Thành phố Hồ Chí Minh nuôi dưỡng vì chị anh ở nhà giữ con và không đi làm.

Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Thị Yến N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Thôi Quốc B. Anh B có nơi cư trú tại ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn anh Thôi Quốc B đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Yến N và anh Thôi Quốc B cưới nhau vào năm 2009, hôn nhân do tự nguyện và có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị N nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B không quan tâm, lo lắng đến chị và con. Mặt khác, anh B thường xuyên qua lại với người phụ nữ khác, sống không chung thủy. Anh B thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn là không quan tâm, lo lắng đến chị N và con nên tình cảm vợ chồng ngày xa cách nhưng anh không thừa nhận có quen người phụ nữ khác.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh B đều thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách và hiện tại cả hai đã sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được hạnh phúc nên chị N yêu cầu ly hôn anh B đồng ý. Hội đồng xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh B đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị N và anh B có một con chung tên Thôi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/11/2014. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu N nhưng anh B không đồng ý. Xét thấy, cháu N hiện đang sống cùng chị N và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, cuộc sống đã ổn định nên quyết định cho chị N được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Yến N và anh Thôi Quốc B đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yến N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Yến N và anh Thôi Quốc B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Yến N về việc “Ly hôn” với anh Thôi Quốc B.

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Yến N được ly hôn với anh Thôi Quốc B.

2.Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Yến N được tiếp tục nuôi con chung là cháu Thôi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/11/2014. Anh Thôi Quốc B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Toà án có thể thay đổi người nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0008411 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đức;
- Chi cục THADS huyện Cần Đức;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung